

### 3.1. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

| Nội dung yêu cầu  | Mức độ đáp ứng   |           |
|---|--|-----------|
| <b>1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng:</b>  |  |           |
| 1.1 Đối với các vật tư, vật liệu chính (xi măng, cốt thép, cát, đá, nhựa đường, công...)  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bảng kê vật tư, vật liệu cho công trình thể hiện đầy đủ chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, nguồn gốc rõ ràng, hợp pháp.</li> <li>- Có bản cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc cung cấp vật tư (có tên gói thầu và tên công trình/dự án phù hợp với E-HSMT).</li> </ul>   | Đạt       |
|   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không có hoặc có bảng kê vật tư, vật liệu cho công trình thể hiện không đầy đủ chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, nguồn gốc.</li> <li>- Không có bản cam kết hoặc không có hợp đồng nguyên tắc cung cấp vật tư hoặc có nhưng không đúng tên gói thầu và tên công trình/dự án phù hợp với E-HSMT.</li> </ul>  | Không đạt |
| <b>2. Giải pháp kỹ thuật:</b>   |  |           |
| 2.1. Tổ chức mặt bằng công trường (bao gồm thuyết minh và bản vẽ):<br>a) Mặt bằng công trình, vị trí tập kết thiết bị thi công, nhà ban chỉ huy, lán trại, kho bãi tập kết vật liệu;<br>b) Bố trí cổng ra vào, rào chắn, biển báo;<br>c) Giải pháp cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thuyết minh rõ ràng và sơ đồ giải pháp kỹ thuật bố trí mặt bằng công trình, vị trí tập kết thiết bị thi công, nhà ban chỉ huy, lán trại, kho bãi tập kết vật liệu hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và phù hợp với công trình.</li> <li>- Có thuyết minh rõ ràng giải pháp kỹ thuật bố trí rào chắn, biển báo, giao thông ra vào công trường với hiện trạng công trường.</li> <li>- Có thuyết minh rõ ràng giải pháp cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công với hiện trạng công trường.</li> </ul> | Đạt       |
|   | Thiếu một trong các giải pháp trên hoặc có các giải pháp nhưng không đầy đủ, không   | Không đạt |

|  |   |           |
|--|---|-----------|
|  | chi tiết, không hợp lý, không rõ ràng.  |           |
| 2.2. Hệ thống tổ chức: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường (Các bộ phận quản lý tiến độ, kỹ thuật, hành chính kế toán, chất lượng, vật tư, thiết bị, an toàn,...các tổ đội thi công) và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên. | Có Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên phải đầy đủ hợp lý, khả thi phù hợp với gói thầu và đề xuất kỹ thuật.   | Đạt       |
|  | Không có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường hoặc có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường nhưng không có thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên hoặc không đầy đủ, không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với gói thầu và đề xuất kỹ thuật.                                     | Không đạt |
| 2.3. Nhà thầu phải có thuyết minh giải pháp sửa chữa, bảo hành kịp thời các hư hỏng và kèm bảng cam kết  | - Có thuyết minh giải pháp sửa chữa, bảo hành kịp thời các hư hỏng khi có yêu cầu của chủ đầu tư hoặc đơn vị sử dụng/quản lý phải đầy đủ hợp lý, khả thi phù hợp với gói thầu.<br>- Bảng cam kết của nhà thầu phải thực hiện và hoàn thành trong thời gian 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của chủ đầu tư hoặc đơn vị sử dụng/quản lý. | Đạt       |
|  | Không có hoặc có nhưng không đầy đủ, không hợp lý với các yêu cầu trên.   | Không đạt |
| <b>3. Biện pháp tổ chức thi công:</b>  |   |           |
| 3.1. Thuyết minh biện pháp bảo đảm giao thông khi thi công công trình  | Có thuyết minh biện pháp đề xuất biện pháp bảo đảm giao thông phải đầy đủ hợp lý, khả thi phù hợp với gói thầu.   | Đạt       |
|  | Không có thuyết minh đề xuất hoặc có thuyết minh nhưng không đầy đủ, không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với gói thầu và biện pháp thi công, tiến độ thi công, hiện trạng công trình.  | Không đạt |
| 3.2. Thuyết minh biện pháp thi công chi tiết các công tác hạng mục của gói thầu theo đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật: Phần đường, xây dựng các cống thoát nước ngang đường, hệ thống cống dọc, an toàn giao thông.   | Có thuyết minh + bản vẽ phải đầy đủ hợp lý, khả thi, phù hợp với gói thầu, với đề xuất kỹ thuật   | Đạt       |
|  | Không có thuyết minh + bản vẽ hoặc có thuyết minh + bản vẽ nhưng không đầy đủ, không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với gói thầu.   | Không đạt |
| <b>4. Tiến độ thi công:</b>  |   |           |
| 4.1. Thời gian thi công: đảm bảo thời gian thi công không  | Đề xuất thời gian thi công không vượt quá <b>450 ngày</b> .   | Đạt       |

|   |  |           |
|---|--|-----------|
| quá <b>450 ngày (kể từ ngày khởi công).</b>   | Đề xuất về thời gian thi công vượt quá <b>450 ngày</b> hoặc không có đề xuất.  | Không đạt |
| 4.2. Tính phù hợp:<br>Có biểu đồ bố trí nhân lực phù hợp với tiến độ thi công và với nhân sự đề xuất.<br>Có biểu đồ bố trí vật tư, vật liệu, máy thi công hợp lý với tiến độ thi công, đề xuất. | Có biểu đồ bố trí nhân lực, vật tư, vật liệu, máy thi công phải đầy đủ hợp lý, khả thi phù hợp với tiến độ thi công.   | Đạt       |
|   | Không có biểu đồ bố trí nhân lực, vật tư, vật liệu, máy thi công hoặc có nhưng không đầy đủ, không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với tiến độ thi công.  | Không đạt |
| 4.3. Biểu tiến độ thi công chi tiết theo công việc mời thầu phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT  | Có Biểu tiến độ thi công chi tiết phải đầy đủ hợp lý, khả thi phù hợp với gói thầu và đáp ứng yêu cầu của HSMT   | Đạt       |
|   | Không có Biểu tiến độ thi công chi tiết hoặc có Biểu tiến độ thi công chi tiết nhưng không đầy đủ, không hợp lý, không khả thi với đề xuất kỹ thuật.   | Không đạt |
| <b>5. Biện pháp bảo đảm chất lượng:</b>   |  |           |
| 5.1 Sơ đồ Quy trình quản lý chất lượng và bộ phận quản lý chất lượng  | - Có sơ đồ quản lý chất lượng rõ ràng, hợp lý phù hợp đề xuất về biện pháp thi công của gói thầu.<br>- Có thuyết minh quyền hạn và nghĩa vụ của bộ phận quản lý chất lượng rõ ràng phù hợp với đề xuất về biện pháp thi công của gói thầu.   | Đạt       |
|   | - Không có hoặc có sơ đồ quản lý chất lượng rõ ràng, hợp lý nhưng không phù hợp với đề xuất về biện pháp thi công của gói thầu.<br>- Không có hoặc có thuyết minh quyền hạn và nghĩa vụ của bộ phận quản lý chất lượng rõ ràng nhưng không phù hợp với đề xuất về biện pháp thi công của gói thầu. | Không đạt |
| 5.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng cho từng hạng mục thi công  | - Có thuyết minh đầy đủ biện pháp bảo đảm chất lượng cho từng công tác thi công phù hợp với đề xuất về biện pháp thi công của gói thầu.<br>- Có thuyết minh biện pháp khắc phục, sửa chữa những hư hỏng phù hợp với biện pháp thi công của gói thầu.   | Đạt       |
|   | - Không có hoặc có thuyết minh biện pháp bảo đảm chất lượng cho từng công tác thi công hoặc Không có đầy đủ biện pháp bảo đảm chất lượng cho từng công tác thi công nhưng không phù hợp với đề xuất về biện pháp thi công của gói thầu.<br>- Không có hoặc có thuyết minh biện pháp                | Không đạt |

|  |  |           |
|--|--|-----------|
|  | khắc phục, sửa chữa những hư hỏng nhưng không phù hợp với biện pháp thi công của gói thầu.   |           |
| 5.3. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công.  | Có thuyết minh biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công phù hợp với gói thầu.   | Đạt       |
|  | Không có thuyết minh biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công hoặc không phù hợp với gói thầu.  | Không đạt |
| 5.4. Biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, tiến độ thi công trong mùa mưa bão.  | Có thuyết minh biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, tiến độ thi công trong mùa mưa bão phải đầy đủ, hợp lý, phù hợp với gói thầu.  | Đạt       |
|  | Không có hoặc có thuyết minh biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, tiến độ thi công trong mùa mưa bão nhưng không đầy đủ, không hợp lý, không phù hợp với gói thầu.       | Không đạt |
| <b>6. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:</b>  |  |           |
| <b>6.1. An toàn lao động</b>   |  |           |
| Thuyết minh biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công:<br>a) Lập Kế hoạch tổng hợp về an toàn lao động.<br>b) Xác định các vùng nguy hiểm, vùng nguy hại trên công trường và khu vực lân cận công trường, lập Biện pháp kiểm soát bảo đảm an toàn.<br>c) Trách nhiệm của cán bộ quản lý an toàn lao động.<br>d) Biện pháp bảo đảm an toàn lao động cho máy, thiết bị thi công để vận chuyển, đào đất đá, vật liệu.<br>d) Lập biện pháp quản lý nhân sự, thiết bị và biện pháp bảo đảm an ninh công trường, an toàn giao thông trong suốt quá trình thi công.<br>e) Lập biện pháp quản lý an toàn cho công trình hiện hữu và khu vực xung quanh công | Có nội dung thuyết minh biện pháp an toàn lao động đầy đủ, hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.  | Đạt       |
|  | Không có hoặc có nội dung thuyết minh biện pháp an toàn lao động nhưng không đầy đủ, không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Không đạt |

|   |  |           |
|---|--|-----------|
| trường.   |  |           |
| <b>6.2. Phòng cháy, chữa cháy</b>   |  |           |
| Thuyết minh biện pháp phòng cháy, chữa cháy   | Có thuyết minh biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với gói thầu.  | Đạt       |
|   | Không có hoặc có thuyết minh biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không đầy đủ, không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với gói thầu.  | Không đạt |
| <b>6.3. Vệ sinh môi trường</b>  |  |           |
| Thuyết minh biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường  | Có thuyết minh biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường đầy đủ, hợp lý, khả thi phù hợp với gói thầu.  | Đạt       |
|   | Không có hoặc có thuyết minh biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không đầy đủ, không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với gói thầu.   | Không đạt |
| <b>7. Bảo hành:</b>   |  |           |
| Thời gian bảo hành 12 tháng.  | Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng.  | Đạt       |
|   | Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng hoặc không có đề xuất.  | Không đạt |
| <b>8. Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó</b>   |  |           |
| Uy tín của nhà thầu thông qua kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác trong vòng 3 năm trở lại đây tính đến thời điểm đóng thầu. | a) Đáp ứng các yêu cầu sau:<br>- Nhà thầu có VĂN BẢN CAM KẾT không vi phạm Uy tín của nhà thầu thông qua kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác trong vòng 3 năm trở lại đây tính đến thời điểm đóng thầu:<br>- Không có hợp đồng nào bị đánh giá vi phạm về chất lượng, tiến độ.<br>- Không bị kết luận là kê khai không trung thực, gian lận trong đấu thầu.<br>- Nhà thầu không bị đưa vào danh sách các nhà thầu vi phạm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. | Đạt       |
|   | b) Không đáp ứng yêu cầu nêu trên.   | Không đạt |
| <b>9. Cam kết huy động, quản lý các loại phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công</b>  |  |           |

|  |  |                  |
|--|--|------------------|
| <p>- Có bản cam kết quản lý toàn bộ các phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công của mình trên công trường (kể cả phương tiện của các đơn vị cung ứng vật liệu), phương tiện đi thuê, mượn đảm bảo tuân thủ theo các quy định về tải trọng, kích thước thùng hàng theo giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường quy định đối với từng loại phương tiện.</p> <p>- Có bản cam kết sẵn sàng huy động máy móc thiết bị phục vụ cho gói thầu (sở hữu và đi thuê).</p> | <p>Có bản cam kết phải đầy đủ, hợp lý với đề xuất của gói thầu.</p>                            | Đạt              |
|  | <p>Không có hoặc có bản cam kết nhưng không hợp lý, không đầy đủ với đề xuất của gói thầu.</p> | Không đạt        |
| <b>Kết luận</b>  | <p><b>Có tất cả nội dung yêu cầu được đánh giá là “Đạt”.</b></p>                               | <b>Đạt</b>       |
|  | <p><b>Có <math>\geq 01</math> nội dung yêu cầu được đánh giá là “Không đạt”</b></p>            | <b>Không đạt</b> |

#### **Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**

*Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:*

##### **4.1. Phương pháp giá thấp nhất<sup>1</sup>:**

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phần chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không

<sup>1</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này.